

DANH SÁCH LỚP DH11CC - MTBTK

STT	TÊN	HỌ	MSSV	ĐIỂM BC							TH	THI				TK
				BT1	BT2	BT3	BT4	BT5	BT6	BT	TH	File	BC	CH	THI	
1	ĐẠT	<i>Nguyễn mộng</i>	11118004	9	9.5	9	9.5	9	9.5	9.3	9	9	9	8.5	8.8	9.0
2	GIANG	<i>Trần vũ ngân</i>	11119006	9	8.5	8.5	8.5	8	9	8.6	6	6	8.5	8.5	8	7.5
3	HÙNG	<i>Bùi mạnh</i>	11137004	9	8.5	9	9	9	8.5	8.8	9	9	8.5	8.5	8.6	8.8
4	HÙNG	<i>Nguyễn phước</i>	11119007	6	8.5	8	7.5	8	8	7.7	7	7	7	7	7	7.1
5	HƯƠNG	<i>Đoàn thị</i>	11119005	9	9	9.5	9.5	9	9.5	9.3	9	9	9	8.5	8.8	9.0
6	HUY	<i>Đào thanh</i>	11118001	8	8	8	7.5	7.5	7.5	7.8	8	9	8.5	7	8	8.0
7	KHANH	<i>Trần văn</i>	11137006	6	7.5	9.5	8	8	7	7.7	9	8.5	8	7	7.7	8.1
8	LÂM	<i>Nguyễn ngọc</i>	11119001	9	8.5	8.5	7	7	8	8	7	7	7.5	6.5	7	7.2
9	LINH	<i>Hồ tài</i>	11119008	7	9	9	9	10	0	7.3	9	8.5	8	8.5	8.3	8.3
10	PHÚC	<i>Quách đại hồng</i>	11119013	6	0	8.5	8.5	8	8	6.5	9	8.5	8	8.5	8.3	8.2
11	SENGALOUN	<i>KASEUTHSOUK</i>	11118010	0	7	6.5	6.5	7	0	4.5	9	9	4	1	3.8	5.5
12	SƠN	<i>Kiều văn thái</i>	11119010	6	8	7.5	7	7.5	8	7.3	6	6	7	7.5	7	6.8

13	THÀNH	Phạm tấn	11118006	6	8	9	8	8.5	8.5	8	8	9	8.5	8.5	8.6	8.3
14	THỊNH	Lê sỹ	11118007	5	7	8.5	7.5	7	8	7.2	6	6	7	8	7.2	6.8
15	THUẬN	Mao thanh	11118005	8	6	7.5	8.5	9	8.5	7.9	8	9	8.5	8.5	8.6	8.3
16	TUYỀN	Nguyễn thị kim	11119003	7	9.5	9	8	8.5	8	8.3	8	9	8.5	7	8	8.1
17	VƯƠNG	Lý quang	11118003	6	8	9	8	7	8	7.7	7	7	7.5	7	7.2	7.2